TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Uyên, ngày 17 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1987;

Địa chỉ thường trú: Ấp 9 Xáng, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ 2, khu phố 8, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Hồ Thị Bích C, sinh năm 1987;

Địa chỉ thường trú: Ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ 1, khu phố 8, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị Bích C tự nguyện sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 18/4/2008. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà C là hợp pháp theo qui định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông B và bà C yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị Bích C có 01 con chung là Nguyễn Hồ Ngọc Như H, sinh ngày 19/4/2009. Ông B và bà C thống nhất để bà C được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị Bích C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị Bích C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị Bích C mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng, phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (09/02/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị Bích C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Hồ Thị Bích C được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hồ Ngọc Như H, sinh ngày 19/4/2009.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị Bích C không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị Bích C không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị Bích C mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số

AA/2021/0006672 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CCTHADS thị xã Tân Uyên;
- UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Trung